

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn T, xã Nh (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Quang L1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn T, xã Nh (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Quang L1 ngày 16/9/2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện L (nay là huyện S), tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L1 ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống, làm ảnh hưởng phát triển kinh tế gia đình, anh L1 ham chơi, hay uống rượu nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi, đánh nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng nên chị L bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình có giàn xếp hòa giải nhưng không thành, vợ chồng không thể hòa thuận để tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Minh Th, sinh ngày 03/02/2007 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 08/12/2008. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh L1 và cháu Th đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L đề nghị để anh L1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Th hiện nay đã thành niên nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Quang L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Anh L1 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của chị L. Tại phiên tòa hôm nay anh L1 vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị L L1 là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân. Hiện anh L1 đang sinh sống tại địa phương và có biết việc chị L xin ly hôn nhưng từ chối, không hợp tác đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đỗ Quang L1. Về nuôi con chung: Đề nghị giao

cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng con là cháu Đ. Hiện nay con đang ở cùng anh L1. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Th hiện nay đã thành niên, chị L không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Quang L1 đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh L1 không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Đỗ Quang L1 vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Đỗ Quang L1 đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện L (nay là huyện S) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7 năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng nên chị L bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh L1 không tập trung làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hay uống rượu, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên đều không hòa giải, vợ chồng không có biện pháp để cải thiện tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Xác minh UBND thị trấn T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L1 vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh L1 cố tình gây khó khăn cho chị L và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đỗ Quang L1.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là Đỗ Thị Minh Th, sinh ngày 03/02/2007 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 08/12/2008. Hiện nay cháu Đ ở cùng anh L1 và cháu Th ở cùng chị L. Ly hôn chị L đề nghị để anh L1 được

tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy mặc dù anh L1 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng quá trình giải quyết vụ án cháu Đ1 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố. Hơn nữa kể từ thời điểm sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đ đang học tập, sinh sống tại xã Nh (nay là thị trấn T) cùng anh L1. Gia đình anh L1 vẫn đảm bảo điều kiện tốt về học tập và sinh hoạt đối với cháu. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị L để anh L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này nếu anh L1 có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với cháu Đỗ Thị Minh Th hiện đã thành niên và chị L không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đỗ Quang L1.

2. Về nuôi con: Anh Đỗ Quang L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 08/12/2008. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh L1. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001030 ngày 21/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Khương Đặng Khánh Hằng

